

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/DSST**
Ngày: 30/6/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Xuân và ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N– sinh năm 1980;

Trú tại: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Danh T– sinh năm 1958; Trú tại: A3 T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978;

Trú tại: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2019, bản trình bày nội dung khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Trần Danh T đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 06/11/2018 (dương lịch), chị Phạm Thị Hồng N có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), không thỏa thuận lãi suất, hẹn thời hạn trả là 01 tháng và ngày 24/10/2018 (âm lịch), nhằm ngày 30/11/2018 (dương lịch), chị N tiếp tục cho vợ chồng ông V, bà L mượn số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), không có thỏa thuận lãi suất, hẹn thời hạn trả là 10 ngày. Tổng cộng chị N cho vợ chồng ông V, bà L mượn số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để nuôi tôm hùm, mua thức ăn cho tôm. Cả hai lần mượn tiền đều có viết

giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền do một mình bà L ký tên và bà L ký tên thay cho ông V. Mặc dù chỉ một mình bà L là người ký tên trong giấy mượn tiền nhưng chị N xác định là nợ chung của vợ chồng ông V, bà L vì khi mượn tiền có mặt ông V, bà L và mục đích mượn tiền là để vợ chồng ông V, bà L nuôi tôm hùm, mua thức ăn cho tôm. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông V, bà L không trả nợ theo đúng cam kết. Chị N nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông V, bà L trả nợ nhưng ông V, bà L không thực hiện, cố tình trốn tránh, không trả tiền theo thỏa thuận mà bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho chị N biết.

Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông V, bà L phải trả cho chị N số tiền gốc đã mượn là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), chị N không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Danh T giữ nguyên quan điểm của chị N đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của chị N.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L nhưng vợ chồng ông V, bà L không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị Phạm Thị Hồng N số tiền gốc đã mượn là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ và được niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vợ chồng ông V, bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Theo kết quả xác minh tại Công an xã X thì vợ chồng ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng ông V, bà L đã bỏ địa phương đi từ khoảng cuối tháng 01 năm 2019 cho đến nay không về lại địa phương, không báo cho địa phương biết nên địa phương không biết vợ chồng ông V, bà L đi đâu, ở đâu. Vợ chồng ông V, bà L cũng không thông báo cho chị N biết địa chỉ nơi cư trú mới của vợ chồng ông V, bà L ở đâu. Việc bỏ đi của vợ chồng ông V, bà L thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo

quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các giấy mượn tiền (tại bút lục 04-05) được xác lập giữa chị N với vợ chồng ông V, bà L; lời trình bày của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, có đủ cơ sở xác định: Ngày 06/11/2018 (dương lịch) và ngày 24/10/2018 (âm lịch) nhằm ngày 30/11/2018 (dương lịch), vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L có mượn chị Phạm Thị Hồng N hai lần với tổng số tiền 400.000.000đ, có ghi nhận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi; Tuy giấy mượn tiền do một mình bà L viết và ký tên nhưng các giấy mượn tiền thể hiện thông tin “*người mượn tiền là chồng: Nguyễn Văn V, vợ: Nguyễn Thị L*”; Khi mượn tiền đều có mặt cả vợ chồng V, L. Mặc khác, vợ chồng ông V, bà L là vợ chồng hợp pháp, đang chung sống với nhau. Mục đích mượn tiền để nuôi tôm hùm, mua thức ăn cho tôm là sử dụng chung của vợ chồng ông V, bà L trong thời kỳ hôn nhân nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, để tạo nguồn thu nhập cho gia đình nên được xác định là nợ chung của vợ chồng ông V, bà L.

Khi đến hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ đúng cam kết mà bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo cho chị N biết về nơi cư trú, làm việc mới là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*).

- Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định là: $400.000.000đ \times 5\% = 20.000.000đ$; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị Phạm Thị Hồng N số tiền gốc đã mượn là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V phải chịu 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Phạm Thị Hồng N số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000464 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS thị xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

